

BÀI HỌC VỀ VẤN ĐỀ DỰA VÀO DÂN, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG LÀM TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (9-1945 ĐẾN 7-1954)

*Đỗ Thị Nguyệt Quang**

Cách mạng tháng Tám công đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: *Kỷ nguyên độc lập và chủ nghĩa xã hội*. Riêng về mặt giáo dục, Cách mạng tháng Tám là cột mốc mở đầu công cuộc xây dựng và phát triển nền giáo dục dân tộc và nhân dân của nước Việt Nam mới. Nó đánh dấu một thời đại mới: thời đại truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam được phát huy rực rỡ nhất.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không ngừng chăm lo xây dựng một nền giáo dục Việt Nam kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh và đã thu được những thành tựu to lớn. Có thể nói, những thành tựu của nền giáo dục Việt Nam trong những năm mở đầu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (9-1945 đến 7-1954) đã tự khẳng định “thực sự trở thành bông hoa ngát hương của chế độ ta”, xứng đáng với niềm tin, hy vọng của toàn dân, với sự khâm phục, ngưỡng mộ của bạn bè quốc tế. Ngày nay, dân tộc ta đang cùng nhân loại bước vào thế kỷ XXI, trong bối cảnh đó, giáo dục ngày càng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, là nhân tố quyết định tương lai của dân tộc. Chính vì vậy, khẳng định lại những tư tưởng và sự chăm lo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh và những bài học quý báu về xây dựng một nền giáo dục đậm đà bản sắc dân tộc là một việc hết sức cần thiết.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn đi sâu nghiên cứu và đánh giá về một trong những bài học, kinh nghiệm quý báu, thành công nhất mà Đảng, Nhà nước ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực thi trong quá trình xây dựng và phát triển nền giáo dục của nước Việt Nam mới: *Bài học về vấn đề dựa vào dân, Nhà nước và nhân dân cùng làm trong xây dựng và phát triển giáo dục ở Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp (9-1945 đến 7-1954)*.

* Tiến sĩ, Viện Sử học, Việt Nam.

I. VAI TRÒ VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ MỘT NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM MỚI

Ngay vừa mới ra đời, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đứng trước những thách thức nghiêm trọng: thù trong, giặc ngoài, khó khăn chồng chất, giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm cùng một lúc trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chính quyền cách mạng. Nạn dốt với hơn 95% số dân bị mù chữ và những hậu quả khác do chính sách ngu dân của thực dân Pháp để lại đang trở thành những kẻ đồng lõa của thực dân Pháp lúc bấy giờ. Tuy bận giải quyết nhiều vấn đề nội trị và ngoại giao, quân sự và kinh tế vô cùng phức tạp, Đảng và Chính phủ đã chú trọng ngay đến việc xây dựng và kiến thiết đất nước một cách toàn diện, trong đó có lĩnh vực văn hóa-giáo dục. Trong bối cảnh đó, nhằm nhân lên sức mạnh nội lực để bảo vệ và xây dựng chế độ mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách và biện pháp cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng và của sự nghiệp vừa kháng chiến, vừa kiến quốc vừa ra sức chống nạn mù chữ, vừa mở các trường đào tạo nhân tài, nâng cao dân trí, đó là chính sách lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam và là tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thấy rõ tính cấp thiết phải xóa nạn mù chữ và nâng cao dân trí, ngay sau khi thành lập nước, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định *phương hướng cơ bản của chính sách giáo dục* là: “Trong thời hạn ngắn sẽ cử hành lệnh bắt buộc học chữ Quốc ngữ để chống nạn mù chữ đến triệt để. Vấn đề vô cùng quan trọng ấy, chúng ta chẳng chờ đến lúc sự sinh hoạt trở nên bình thường mới giải quyết. Ngay trong hoàn cảnh eo hẹp, chúng ta quả quyết tiến hành”⁽¹⁾. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ sáng ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu sáu nhiệm vụ cấp bách của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải làm, trong đó nhiệm vụ “*diệt giặc dốt*” đứng hàng thứ hai. Người chỉ rõ: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”⁽²⁾, sự dốt nát là một loại giặc nội xâm. Sự dốt nát là mẹ đẻ của mọi thói hư tật xấu, phản lại văn hóa.

Người khẳng định: “Muốn giữ vững độc lập, muốn làm cho nước mạnh dân giàu mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công việc xây dựng nước nhà. Và trước hết phải biết đọc biết viết chữ Quốc ngữ...”. Vì vậy, Người đề nghị mở ngay một chiến dịch diệt dốt và Người đích thân phát động chiến dịch “*chống nạn mù chữ*”, coi đó là bước đột phá đầu tiên để nâng cao dân trí, biến khẩu hiệu: “*Toàn dân học tập*” thành hiện thực.

Để đẩy mạnh việc xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, chỉ gần một tuần lễ sau ngày Tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ*. Cũng ngay trong ngày 8-9-1945, Chính phủ đã ban hành 3 sắc lệnh quan trọng về bình dân học vụ:

1. Sắc lệnh số 17/SL thành lập Nha bình dân học vụ, quy định rõ nhiệm vụ của Nha chuyên lo việc học cho nhân dân, trực thuộc Bộ Giáo dục.

2. Sắc lệnh số 19/SL quy định hạn trong 6 tháng, làng nào, thị trấn nào cũng phải có lớp học, ít nhất là ba mươi người theo học.

3. Sắc lệnh số 20/SL cường bách việc học chữ Quốc ngữ không mất tiền, hạn một năm tất cả mọi người Việt Nam từ 8 tuổi trở lên phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ⁽³⁾.

Ba sắc lệnh trên đã bổ sung cho nhau để trở thành đạo luật đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có tác dụng làm chuyển biến quan niệm và nhận thức của các cấp chính quyền và các tầng lớp nhân dân đối với vấn đề học chữ Quốc ngữ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn viết thư và lời kêu gọi học sinh và đồng bào ta ra sức học tập. Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao dân trí, trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: *“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”*.

Cùng với các sắc lệnh về bình dân học vụ kể trên, ngày 4-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại ra *“Lời kêu gọi chống nạn thất học”*. Trong lời kêu gọi này, Người chỉ rõ tình trạng gần như hoàn toàn mù chữ của nhân dân Việt Nam là một trở lực to lớn đối với sự tiến bộ và giàu mạnh của đất nước sau này. Vì thế, Người nhấn mạnh: *“Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí”*⁽⁴⁾. Người kêu gọi mọi người hãy góp sức vào bình dân học vụ và xây dựng nền giáo dục mới. Theo quan niệm của Người thì xóa nạn mù chữ là công việc của toàn dân, của toàn xã hội. Người chưa biết chữ có nghĩa vụ phải học tập; người biết chữ phải có nghĩa vụ dạy những người chưa biết chữ, *“vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo..., phụ nữ lại càng cần phải học”*. Tiếp theo *“Lời kêu gọi chống nạn thất học”*, nhiều văn kiện, chỉ thị của Nhà nước khác đã từng bước cụ thể hóa nội dung và hình thức của nền giáo dục dân tộc.

Song song với việc tổ chức bình dân học vụ và đẩy mạnh phong trào xóa nạn mù chữ, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đã quan tâm đến việc xây dựng nền giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Trong khi chờ đợi một cuộc cải cách căn bản về cơ cấu tổ chức, nội dung và phương pháp giáo dục, Đảng và Nhà nước đã thực hiện ngay một số sửa đổi bước đầu nhằm gạt bỏ những gì quá lạc hậu và phản động không còn lý do tồn tại trong nền giáo dục của một nước độc lập và dân chủ. Một nền giáo dục Việt Nam mới, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh phải là *“một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn năng lực có sẵn của các em”*.

Ngoài việc sắp xếp lại bộ máy học chính các cấp và các trường theo đúng tinh thần mới, Bộ Quốc gia Giáo dục đã xúc tiến việc nghiên cứu xây dựng một dự án cải cách cần thiết và tập hợp đội ngũ thầy giáo, xây dựng các đoàn thể

chính trị trong trường học, nhằm xóa bỏ nền giáo dục nô lệ, xây dựng nền giáo dục dân chủ mới. Một Hội đồng cố vấn học chính đã được thành lập theo Sắc lệnh 14/SL ngày 10-10-1945. Hội đồng gồm 6 thành viên do Bộ trưởng Vũ Đình Hòe làm Chủ tịch, song vì tình hình chiến sự của đất nước chưa thuận lợi, nên vấn đề cải cách giáo dục phải tạm gác lại.

Đặc biệt, sau khi có Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*” ngày 25-11-1945 trong đó vạch rõ nhiệm vụ của giáo dục là: “Mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách học nhồi sọ”, Đảng và Chính phủ đã có những chủ trương cải tổ và xây dựng cụ thể bước đầu các ngành tiểu học và trung học. Ngày 9-7-1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh 119/SL thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục. Tiếp đó, ngày 10-8-1946, Chính phủ ban hành hai sắc lệnh: Sắc lệnh 146/SL và 147/SL, *khẳng định những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới và mục đích tôn chỉ của nó*⁽⁵⁾. Sắc lệnh 146/SL đã quy định 3 nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới: *đại chúng hóa, dân tộc hóa và khoa học hóa*; và theo tôn chỉ *phụng sự lý tưởng quốc gia và dân chủ*. Cụ thể như sau:

- *Tính dân tộc*, có ý nghĩa là nội dung giáo dục phải thấu triệt giáo dục lịch sử dân tộc, giáo dục tinh thần yêu dân tộc, tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc. Đó là cơ sở của toàn bộ nội dung giáo dục, thực tế dân tộc là cơ bản của nền giáo dục, nhằm đào tạo thế hệ trẻ thành những người phụng sự dân tộc một cách đặc lực.

- *Tính khoa học*, có nghĩa là dạy cho học sinh những tri thức và phương pháp khoa học tiến bộ, chống giáo điều, dạy và học theo nguyên tắc học để hành, giáo dục gắn liền với cuộc sống của nhân dân. Lấy nền giáo dục khoa học làm công cụ để giải phóng về mặt tư tưởng.

- *Tính đại chúng*, có nghĩa là nền giáo dục có nhiệm vụ mang tri thức tới quần chúng, từ chỗ mù chữ đến biết chữ, phổ cập một trình độ học vấn nhất định từ thấp đến cao, cũng như đem các tri thức khoa học đến với quần chúng rộng rãi, để họ áp dụng những tri thức ấy vào cuộc sống, vào sản xuất. Như vậy, tính đại chúng của nền giáo dục cũng đồng nghĩa với tính dân chủ, được thực hiện từng bước.

Nền giáo dục mới theo quy định của các sắc lệnh nói trên gồm 3 bậc học:

+ Bậc học cơ bản gồm 4 năm và bắt đầu từ năm 1950 sẽ là bậc học cưỡng bách.

+ Bậc học trung học và chuyên nghiệp.

+ Bậc học đại học.

Sắc lệnh 147/SL đã ấn định thêm những điều khoản pháp chế để thực hiện bậc học cơ bản, không phải trả tiền, các môn học dạy bằng tiếng Việt ở tất cả các bậc học từ tiểu học đến đại học, trong tất cả các bộ môn khoa học: khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

Để cụ thể hóa nội dung của các sắc lệnh trên, một loạt chủ trương, biện pháp nhằm khuyến khích học sinh đi học ở cấp bậc tiểu học, trung học đã được ban hành và thực hiện như: bãi bỏ tiền học ở tất cả các bậc học, gia hạn tuổi cho học sinh các lớp, cấp học bổng và mở ký túc xá cho học sinh các trường trung học. Chính phủ cũng đã quy định ra một chương trình giáo dục, tổ chức ngạch thanh tra để kiểm soát và lập Hội đồng sách giáo khoa.

Đặt trong thời điểm lịch sử lúc bấy giờ, ba nguyên tắc hay ba tính chất mà Đảng và Nhà nước xác định cho nền giáo dục mới đã trực diện chống lại tính chất phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng của chính sách ngu dân mà thực dân Pháp đã áp đặt trên đất nước ta.

Rõ ràng, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có tầm nhìn xa, sớm thấy rõ vai trò to lớn của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tóm lại, phải giải quyết hàng loạt công việc cấp bách về nội trị, ngoại giao, kinh tế..., Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng nền giáo dục Việt Nam trên đường đấu tranh chung của dân tộc chống thực dân và phong kiến. Ngay những bức thư, những chỉ thị, những bài nói chuyện, Bác Hồ luôn vạch rõ đường lối phát triển cho giáo dục, nêu cụ thể từ mục đích, bản chất, nội dung đến phương châm, phương pháp của nền giáo dục dân tộc mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh ra nền giáo dục Việt Nam mới. Cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ, Người đã sớm đề ra những quan điểm đúng đắn và những chủ trương biện pháp cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao dân trí, đào tạo trí thức, bồi dưỡng nhân tài. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc nâng cao dân trí, thực hiện quyền được học hành của mọi người luôn luôn là một trong những mục tiêu rất quan trọng cần đạt tới trong cuộc đời hoạt động của Người. Trong bài trả lời các nhà báo, tháng Giêng năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

Cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ, Người đã rất thành công trong việc trang bị những kiến thức giáo dục cơ bản nhất cho đại bộ phận dân chúng, điều mà Lênin đã chỉ ra từ lâu. Chính những thành công đó đã tạo ra những tiền đề cơ bản cho sự chuyển hướng và phát triển của ngành giáo dục từ sau cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí và làm cho mọi người ai cũng được học tập, đó là một trong những mục tiêu chiến đấu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng, cũng là nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau khi nước ta mới giành được độc lập.

Từ ngày 19-12-1946, cả nước ta bước vào cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giáo dục lại càng có vị trí quan trọng. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải có những chủ trương, biện pháp nhằm phát triển và hướng nền giáo dục cho phù hợp với điều kiện của cuộc kháng chiến. Quan điểm cơ bản, xuyên

suốt của Đảng, Chính phủ và của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình chỉ đạo việc cải cách giáo dục từ ngay sau ngày toàn quốc kháng chiến cho tới tháng 7-1954, tập trung vào hai vấn đề lớn sau đây: *Mục tiêu của giáo dục*: Phải đào tạo nhân tài phục vụ cho kháng chiến, kiến quốc; đào tạo những người vừa có văn hóa vừa có lòng yêu nước thiết tha, có chí tự lập, tự cường, có đủ năng lực và phẩm chất phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến và kiến quốc. *Về phương pháp giáo dục*: học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết, quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh, nền giáo dục Việt Nam mới không ngừng phát triển và đạt được những thành tựu to lớn trong thời kỳ (1945-1954). Có lẽ chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam lại có một Nhà nước đặt vấn đề văn hóa-giáo dục một cách đơn giản nhưng dứt khoát. Như vậy, vấn đề văn hóa-giáo dục được quan niệm như một trong những điều kiện cơ bản của hạnh phúc con người, cũng là một phương tiện tạo ra sức mạnh của việc chiến tranh giải phóng, những con người có hiểu biết, đó là sức mạnh của cuộc kháng chiến và kiến quốc. Tóm lại, Nhà nước đã có chính sách và quyết tâm lớn trong việc xây dựng một nền giáo dục của dân, do dân và vì dân.

II. THỰC HIỆN PHƯƠNG CHÂM: DỰA VÀO DÂN, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG LÀM

Như đã phân tích ở trên, xuất phát từ quan điểm: giáo dục có vai trò rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là quốc sách hàng đầu, Đảng ta đã gắn cuộc đấu tranh chống chính sách ngu dân với cách mạng giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ, coi đốt nát là một thứ giặc như giặc đói và giặc ngoại xâm, và đã đưa ra những định hướng xây dựng phát triển giáo dục: hợp quy luật, hợp lòng dân.

Trong hoàn cảnh đầy khó khăn của chặng đường mở đầu từ sau Cách mạng tháng Tám và chín năm kháng chiến chống Pháp xâm lược, bên cạnh việc tăng cường vai trò lãnh đạo quản lý, chỉ đạo của Nhà nước, Đảng và Nhà nước đã dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân trên lĩnh vực xây dựng và phát triển giáo dục. Chúng ta chủ trương xã hội hóa giáo dục xuất phát từ quan điểm giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân, nhằm thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Huy động sự tham gia của nhân dân không có nghĩa là Đảng và Nhà nước buông lỏng, hay thoái thác trách nhiệm của mình mà phải hiểu với đường lối, chủ trương đúng đắn do Đảng nêu ra và Đảng quyết tâm lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt, ở đâu và trong lĩnh vực nào dân tham gia được thì nên huy động, động viên tạo điều kiện. Để làm sao trong một thời gian ngắn nhất biến dân tộc ta từ chỗ 95% dân số bị mù chữ thành một dân tộc có học.

Điều này đã được Đảng và Nhà nước ta quan niệm đúng và thực hiện đúng, bảo đảm sự thành công của những chủ trương, chính sách đã đặt ra. Với quan niệm đúng đắn, sự nghiệp giáo dục không phải chỉ là của Nhà nước mà là sự nghiệp của toàn dân và toàn xã hội. Nhân dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng

của giáo dục; quyền làm chủ của nhân dân lao động phải thể hiện trên hai mặt đó. Có nghĩa là nhân dân phải có quyền lợi và nghĩa vụ trong công tác giáo dục của đất nước.

Vì vậy, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần cách mạng tháng Tám, mọi người dân Việt Nam từ trẻ đến già, đàn ông, đàn bà, đều hăng hái tham gia công tác giáo dục, Nhà nước và xã hội, Trung ương và địa phương cùng làm giáo dục, tạo nên một cao trào học tập trong toàn dân, động viên tinh thần và khả năng vật chất cho giáo dục.

Ngay từ những ngày đầu xây dựng và phát triển nền giáo dục mới, Nhà nước ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ mục đích của nền giáo dục là chăm lo đào tạo những con người mới phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Người cũng căn dặn, chúng ta cần phải làm cho quần chúng thấy rằng, học tập là quyền lợi thiết thân của họ, của con em họ, đồng thời là nghĩa vụ thiêng liêng của họ.

Sự nghiệp giáo dục phải là sự nghiệp của quần chúng, của nhân dân, “mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào cuộc xây dựng nước nhà”, “những người biết chữ hãy dạy cho người chưa biết chữ...”.

Lời lẽ giản dị mà sâu sắc ấy có sức thuyết phục biết bao đối với một dân tộc hiếu học vừa mới giành được độc lập như dân tộc ta. Vì thế, giáo dục phải là sự nghiệp của quần chúng. Có làm cho sự nghiệp giáo dục trở thành sự nghiệp của toàn dân thì sự nghiệp đó mới có sức sống dồi dào và phát triển mạnh mẽ. Nền giáo dục của nhân dân, do dân, vì dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay từ khi ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn thử thách và thiếu thốn mọi điều. Trong hoàn cảnh đó, để có thể xây dựng và phát triển được, Đảng và Nhà nước ta đã thực sự dựa vào dân, động viên sức mạnh của toàn dân để xây dựng và phát triển nền giáo dục của nước nhà.

Nhờ sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước và sự tham gia đông đảo của quần chúng, trong hơn một năm đầu Cách mạng tháng Tám, thành tích nổi bật trên lĩnh vực văn hóa-giáo dục là xây dựng thành công nền giáo dục Việt Nam mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh với ba nguyên tắc cơ bản: dân tộc, khoa học và đại chúng. Cụ thể:

1. Chống nạn mù chữ, bình dân học vụ

Để thực hiện thật tốt những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục bình dân học vụ, sau khi Nha bình dân học vụ được thành lập đã nhanh chóng tập trung xung quanh mình một đội ngũ giáo viên bao gồm chủ yếu là những thanh niên học sinh, sinh viên và những nhà trí thức đã từng hoạt động trong thời kỳ truyền bá Quốc ngữ trước Cách mạng tháng Tám.

Ngay sau khi thành lập, Nha bình dân học vụ đã khẩn trương mở các lớp bình dân cho thợ thuyền và nông dân, khẳng định việc học chữ là bắt buộc và

không mất tiền để cấp tốc xóa mù chữ. Với đường lối đúng đắn của Đảng, với sự chỉ đạo sát sao và cụ thể của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước đã dấy lên một phong trào thi đua “diệt giặc dốt” – xóa nạn mù chữ. Phong trào đã được toàn dân nhiệt liệt ủng hộ. Người người đi học, nhà nhà đi học, đâu đâu cũng vang tiếng học vắn. Người biết chữ bảo người chưa biết chữ. Có thể nói, trong lịch sử chưa bao giờ dân tộc ta lại ham học và đi học đông như thế. Hàng triệu người tham gia học tập, kết quả là chỉ sau một năm phát động phong trào xóa nạn mù chữ, tính đến ngày 8-9-1946, cả nước đã có 74.950 lớp bình dân học vụ, 95.660 giáo viên và 2.520.000 học viên biết đọc, biết viết⁽⁶⁾.

Hà Tĩnh là tỉnh thanh toán nạn mù chữ với tỷ lệ cao nhất, chiếm 52% dân số. Riêng 4 tỉnh Liên khu V là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên có 314.587 người với tổng số 17.073 lớp, 22.115 giáo viên⁽⁷⁾. Thành tích này là một bước nhảy vọt so với thời kỳ truyền bá Quốc ngữ (trong 7 năm hoạt động, Hội truyền bá chữ Quốc ngữ chỉ có 7 vạn học viên). Đó cũng là thắng lợi bước đầu khá quan trọng của văn hóa-giáo dục Việt Nam, biến nước ta thành một nước có học và bắt đầu đi vào phổ cập giáo dục.

Bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc (19-12-1946), chỉ sau một thời gian ngắn, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết lãnh đạo ngành giáo dục khắc phục khó khăn, chuyển hướng hoạt động. Mục tiêu lúc này là làm sao cho sự nghiệp giáo dục không bị đứt đoạn vì chiến tranh, mà nó vẫn phải được tiếp tục phát triển và lại phục vụ tốt cho công cuộc kháng chiến của dân tộc. Về cơ bản, đó là sự kế tục và phát triển những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1945-1946, của một nền giáo dục do dân, vì dân với ba tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.

Trên thực tế, sau ngày toàn quốc kháng chiến, bình dân học vụ là ngành đầu tiên trở lại hoạt động có khí thế và phát triển mạnh nhất. Phong trào bình dân học vụ trong những năm chiến tranh gian khổ không những không bị hạn chế mà vẫn tiếp tục trên diện rộng với những hình thức phong phú, dưới những khẩu hiệu: “Chống mù chữ, chống xâm lăng”, “Có đi học mới kháng chiến thắng lợi”, “Đi học là kháng chiến”... *Song lúc này, chúng ta thực hiện thanh toán nạn mù chữ là có trọng tâm hơn, có kế hoạch hơn và có chất lượng cao hơn. Đã có sự kết hợp giữa giáo dục và tuyên truyền kháng chiến trong nội dung học tập.* Kết quả là nơi nào có phong trào bình dân học vụ lên cao thì nơi đó công tác tuyên truyền kháng chiến được đẩy mạnh. Đặc biệt, sau cao trào diệt giặc dốt 1948-1950, tổng số đơn vị được công nhận thanh toán nạn mù chữ là 10 tỉnh, 80 huyện, 1.424 xã và 7.284 thôn⁽⁸⁾. Nhiều huyện, xã đã hoàn thành xóa nạn mù chữ, được Bác Hồ viết thư khen và động viên. Ở các vùng tự do Việt Bắc, Khu IV, phong trào giáo dục phát triển mạnh, trường lớp các cấp mở ra nhiều chưa từng có. Đây là một thành tích thật to lớn, thật vĩ đại. Từ đây đa số dân số biết chữ, lòng yêu nước được nâng lên, chí căm thù giặc thêm sâu sắc, ý thức giác ngộ về quyền lợi, về lòng tự hào của quân, dân ta trở thành một sinh khí mới chống quân thù.

2. Xây dựng ngành bổ túc văn hóa

Từ ngày đầu thành lập, Nha bình dân học vụ có hai nhiệm vụ: xóa nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Đặc biệt, đến 1948, Nha bình dân học vụ đã có bộ phận chuyên trách nghiên cứu các bậc học bình dân thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến. Bước đầu quy định toàn bộ hệ thống giáo dục bình dân là:

- Sơ cấp – xóa nạn mù chữ.
- Bổ túc bình dân cấp I – lớp 4 phổ thông.
- Bổ túc bình dân cấp II – cấp III phổ thông.

Tiếp theo những thắng lợi vang dội của cao trào diệt dốt 1948-1950, số người được xóa nạn mù chữ trong nước là trên 10 triệu người, ngành bình dân học vụ đứng trước một thực tế: một mặt những người biết đọc, biết viết đòi hỏi được học thêm, mặt khác do nhu cầu kháng chiến đòi hỏi ở công nhân, nông dân, cán bộ những kiến thức khoa học kỹ thuật, nghề nghiệp cao hơn. Do vậy, từ 1951, cùng với việc khẩn trương xóa nạn mù chữ, phát huy hơn nữa thành quả của xóa nạn mù chữ, Đảng và Chính phủ ngày càng chú trọng đến vấn đề bổ túc văn hóa cho toàn dân. Bên cạnh hình thức bổ túc văn hóa ngoài giờ làm việc là hình thức phổ biến, còn có hình thức bổ túc văn hóa tập trung dành cho những cán bộ cốt cán ở các đoàn thể và quân đội. Chỉ tính từ năm 1948-1954, riêng vùng tự do đã có chừng 300.000 – 400.000 học sinh theo học tại 10.450 lớp⁽⁹⁾.

Từ năm 1953, phần lớn các lớp bình dân học vụ chuyển lên thành các lớp dự bị và bổ túc văn hóa. Chỉ tính từ cuối 1953-1954, số người học bổ túc văn hóa đã tăng 2 lần. Đến cuối 1954 đã có 2.886.245 người học xong lớp dự bị bổ túc ở nông thôn và xí nghiệp. Trong các lực lượng vũ trang, mỗi đơn vị cũng biến thành một trường học văn hóa bình dân. Ở đó, người đội viên hết mù chữ, hiểu chính trị, nắm được những điều thường thức về quân sự, dân vận, biết giữ vệ sinh.

3. Giáo dục phổ thông

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, cả nước chỉ có 737 trường tiểu học với 623.000 học sinh, 65 trường cao đẳng tiểu học (tương đương bậc học phổ thông cơ sở hiện nay) với 16.700 học sinh và mới chỉ có 3 trường tương đương bậc phổ thông trung học hiện nay với 652.000 học sinh⁽¹⁰⁾.

Chỉ từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nền giáo dục phổ thông mới thực sự được phát triển mạnh mẽ và trở thành một nền giáo dục đại chúng. Đó là nền tảng văn hóa của đất nước, là sức mạnh tương lai của dân tộc, đặt cơ sở ban đầu rất quan trọng cho sự phát triển toàn diện của thế hệ trẻ Việt Nam, góp phần đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, tạo nguồn cho việc đào tạo nhân lực và đào tạo nhân tài cho đất nước.

Vừa tiến hành chống nạn mù chữ - “diệt giặc dốt”, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương tiếp tục phát triển tiểu học, trung học, giáo dục đại học và cải cách nền giáo dục thành nền giáo dục của nước Việt Nam mới với

ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng. Cụ thể, tháng 9-1945 khai giảng năm học mới cho các cấp tiểu học và trung học. Ngày 15-11-1945 chính thức khai giảng lại các trường đại học và cao đẳng. Do đó, các trường lớp cũ đã trở lại hoạt động bình thường, số trường mới dựng lên cũng đảm bảo kế hoạch giảng dạy theo đúng chương trình. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, đến cuối năm học 1945-1946, tình hình trường lớp của các bậc học như sau:

- Bậc tiểu học: có 4.952 trường (kể cả sơ cấp) với 8.720 giáo viên và 284.314 học sinh.

- Bậc trung học: số 29 trường (trong đó Bắc Bộ có 9, Nam Bộ có 4, Trung Bộ có 6 và 10 trường bán công) với 31 giáo sư và 2.378 học sinh.

Đặc biệt, cuối năm học 1945-1946, các kỳ thi tốt nghiệp tiểu học, trung học phổ thông đã được tổ chức chu đáo trong không khí phấn khởi và tin tưởng. Lần đầu tiên các thí sinh không phải nộp lệ phí và tất cả các môn học được thi bằng tiếng Việt⁽¹¹⁾. Sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cùng với các ngành học khác, ngành giáo dục phổ thông đã cố gắng chuyển hướng. Ngoài sắp xếp lại bộ máy hành chính các cấp và các trường theo đúng tinh thần mới, Bộ Giáo dục đã xúc tiến nghiên cứu, xây dựng một dự án cải tổ cần thiết từng bước xóa bỏ nền giáo dục cũ, xây dựng nền giáo dục dân chủ mới.

Với nhiều cố gắng vượt bậc, từ sau chiến thắng Việt Bắc (10-1947), việc dạy và học của nhà trường nói chung đi vào nền nếp, học sinh tấp nập tới trường. Tính đến tháng 6-1948, số học sinh tiểu học ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lên tới 147.000 em, tăng 47% so với số học sinh của bậc này tháng 12-1946; số học sinh trung học ở Liên khu IV có 4.870 em, tăng gấp 7 lần số học sinh cùng bậc thời gian kể trên⁽¹²⁾.

Đặc biệt, từ sau chiến thắng Biên giới (10-1950), cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ bước sang giai đoạn mới. Trước tình hình quốc tế và tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp tại chiến khu Việt Bắc. Thành công và những nghị quyết quan trọng của Đại hội không những là nguồn cổ vũ to lớn mà còn là bó đuốc soi đường cho toàn ngành giáo dục trước những nhiệm vụ mới và thử thách mới. Chính cương lĩnh của Đảng do Đại hội thông qua ghi rõ phương hướng và nhiệm vụ mới về văn hóa-giáo dục như sau:

“Đào tạo con người mới, cán bộ mới và đẩy mạnh kháng chiến, kiến quốc, phải bài trừ những di tích văn hóa-giáo dục thực dân và phong kiến, phát triển nền văn hóa-giáo dục có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng”, “Thủ tiêu nạn mù chữ, cải cách chế độ giáo dục mở các trường chuyên nghiệp”⁽¹³⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã có nhiều chỉ thị quan trọng đối với việc cải cách giáo dục. Người chỉ rõ phải: “Làm thế nào cho việc giáo dục liên kết đời sống nhân dân với cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Làm thế nào để phối hợp giáo dục của trường học với việc tuyên truyền và giáo dục chính trị chung của nhân dân. Giáo dục cần nhằm vào mục đích thật thà phụng sự nhân dân. Cần học tập gắn với thực hành”.

Căn cứ vào những nhiệm vụ và phương châm cơ bản của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ đã có hàng loạt biện pháp tích cực đối với ngành giáo dục, nhằm trong một thời gian ngắn nhất gây một chuyển biến mạnh mẽ trong toàn bộ công tác giáo dục và đào tạo. Trung ương Đảng và Chính phủ đã quyết định tiến hành một cuộc cải cách tương đối sâu sắc trong giáo dục, đặc biệt là trong ngành giáo dục phổ thông. Cuộc cải cách này nhằm tiếp tục xóa bỏ những di tích cũ của nền giáo dục thực dân, đặt nền móng cho một nền giáo dục của nước Việt Nam mới. Vì nhân dân ta phải tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nên mãi đến tháng 7-1950, Hội đồng Chính phủ mới thông qua đề án cải cách giáo dục.

Theo đề án, nền giáo dục nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được chính thức tuyên bố là nền giáo dục của dân, do dân, vì dân và được xây dựng trên ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng. Về bản chất, thì nền giáo dục là một công cụ của một giai cấp nhất định, không có giáo dục trung lập. Mục tiêu đào tạo của nền giáo dục Việt Nam mới là: giáo dục thế hệ trẻ thành những công dân trung thành với Tổ quốc, có năng lực và phẩm chất phục vụ đất nước. Phương châm giáo dục: học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn. Về nội dung, giáo dục phổ thông tập trung vào một số môn như: tiếng Việt, văn, toán, lý, hóa, sinh; có các môn học mới: thời sự-chính sách, giáo dục công dân, tăng gia sản xuất. Tạm thời bỏ các môn: ngoại ngữ, vẽ, nhạc, nữ công gia chánh.

Cơ cấu trường phổ thông bao gồm 3 cấp học: cấp I, cấp II, cấp III tất cả có 9 năm. Bên cạnh hệ thống giáo dục bình dân, giáo dục chuyên nghiệp và cao đẳng, đại học⁽¹⁴⁾. Cuộc cải cách giáo dục 1950 được triển khai ở các vùng giải phóng từ Liên khu 5 trở ra, bao gồm các tỉnh ở Việt Bắc, Tây Bắc, khu IV, một phần đồng bằng Bắc Bộ và Khu V cũ. Còn các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ vẫn tiếp tục học chương trình cũ đã cải tiến.

Như vậy, có thể nói từ những chủ trương chuyển hướng giáo dục trong những ngày đầu kháng chiến đến cuộc cải cách giáo dục năm 1950 là quá trình phát triển và hoàn chỉnh dần đường lối xây dựng nền giáo dục của nước Việt Nam mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh vạch ra. Nhờ có đường lối văn hoá giáo dục đúng đắn sáng suốt của Đảng, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bộ mặt giáo dục của nhân dân ta trong những năm kháng chiến kiến quốc đã có những bước thay đổi đáng kể. Cuộc cải cách giáo dục 1950 – 1951 đã thổi vào ngành giáo dục một sức sống mới. Cuộc cải cách giáo dục đã từng bước làm thay đổi triệt để mục đích, cơ cấu, nội dung và phương pháp của giáo dục thực dân phong kiến, đưa truyền thống hiếu học của dân tộc ta lên một trình độ mới. Chính vì thế, một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học đã hình thành và phát triển, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến kiến quốc vĩ đại của dân tộc.

Cùng với phong trào xóa nạn mù chữ, phong trào bổ túc văn hóa từ sau cuộc cải cách giáo dục 1950-1951, ngành giáo dục phổ thông thực sự đã có những biến đổi to lớn. Song song với phát triển về số lượng, Đảng và Chính phủ rất coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng của nhà trường phổ thông. Để giải quyết tốt yêu cầu cấp bách là mở rộng mạng lưới trường học từ cấp xã, ngành phổ thông đã giải quyết tốt vấn đề kết hợp lực lượng. Nhà nước với lực lượng của nhân

dân, nghĩa là ngoài ngân quỹ do Nhà nước đầu tư, nhân dân tự nguyện đóng góp một phần chi phí cần thiết cho việc xây dựng trường sở, thiết bị vật chất và trả lương cho giáo viên. Nhờ vậy, trường phổ thông 9 năm với cơ sở hùng hậu của nó ở vùng tự do căn bản là tiến bộ và có tác dụng tích cực trong thời kỳ kháng chiến. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, năm 1950 ở cấp I chỉ có 284.314 học sinh, cấp II là 21.849 và cấp III là 735; đến năm 1952 số học sinh cấp I là 476.746, cấp II là 52.369 và cấp III là 2.089. Đến năm 1954, số học sinh cấp I là 633.718, cấp II là 63.209 và cấp III là 3.425. Như vậy là, so với những năm trước Cách mạng tháng Tám (1939-1940), chỉ riêng số học sinh trong các vùng kháng chiến của ta năm 1953 đã tăng gấp 1,5 lần; năm 1954 tăng gấp 2 lần.

Nếu tính riêng số học sinh cấp II và III thì so với năm 1939-1940, năm 1953 tăng gấp 3 lần; năm 1954 tăng gấp 4 lần.

4. Giáo dục cao đẳng và đại học

Do nhận thức đúng tầm quan trọng của việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài cho đất nước, nên trong điều kiện hết sức khó khăn gian khổ của cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện, Đảng và Nhà nước ta đã ra sức xây dựng và phát triển ngành giáo dục cao đẳng và đại học. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền cách mạng đã lôi cuốn được hàng nghìn trí thức học sinh yêu nước vào sự nghiệp giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học ở chiến khu, tham gia vào các chiến dịch. Họ đã có nhiều cống hiến quan trọng góp phần đặt nền móng cho nền giáo dục cao đẳng và đại học non trẻ của đất nước.

Trong những năm kháng chiến (1946-1954), một số trường đại học và cao đẳng đã sơ tán từ thủ đô về vùng kháng chiến để tiếp tục đào tạo như: Trường Đại học Y khoa, Trường Cao đẳng Công chính và Trường Cao đẳng Mỹ thuật. Vì nhu cầu kháng chiến, các trường này đã cải tổ về chương trình và thời gian. Tiếp sau đó, ở giai đoạn 1948-1952, chúng ta lần lượt mở được 4 trường cao đẳng với 900 sinh viên và 8 trường trung học chuyên nghiệp với hơn 3.000 học sinh. Đó là các trường: Trường Cao đẳng Giao thông công chính (1948), Trường Cao đẳng Sư phạm cao cấp tự nhiên (1951), Trường Cao đẳng Sư phạm cao cấp về xã hội và khoa học cơ bản (1951). Và, một hệ thống trường chuyên nghiệp được thành lập là Trường Giao thông công chính (1948), Trường Y sĩ (1949), Trường Sư phạm (1950), Trường Mỹ thuật (1950), Trường Dược sĩ (1952), Trường Nông lâm (1952), Trường Ngoại ngữ (1952) và Trường Bưu điện (1954). Ở vùng kháng chiến miền Nam ta cũng đã mở được một số trường lớp như Trường Y sĩ, Trường Chăn nuôi⁽¹⁵⁾.

Về các trường dạy nghề, trước năm 1945, chỉ có 4 trường kỹ nghệ trong cả nước, đào tạo một số nghề cơ điện, nhưng sau ngày kháng chiến bùng nổ thì các trường này cũng đều phải tản cư và giải tán. Do nhu cầu kinh tế cũng như nhu cầu của cuộc kháng chiến, một số lớp dạy nghề cơ khí, giao thông, thủy lợi, hóa chất được thành lập bên cạnh các cơ sở sản xuất. Tại các vùng nông thôn hoặc rừng núi chiến khu, từ năm 1947 đến 1954, ngoài các trường của Bộ Giáo dục mở, các ngành cũng tích cực tổ chức đào tạo cán bộ cho ngành mình như: ngân hàng, tài chính...

Thống kê sơ bộ từ 1950-1954 đã đào tạo được 7.000 cán bộ kỹ thuật cho các ngành. Tính đến đầu năm 1954, tổng số người đang theo học tại các trường đại học và trung học chuyên nghiệp lên tới 4.277 người. Trong đó, số người theo học tại các trường đại học là 1.528, tức là nhiều gấp 5 lần số sinh viên toàn quốc năm 1939-1940.

Đáng kể là, từ 1951 đến lúc kháng chiến thành công 1954, đã hình thành ba trung tâm đại học: Trung tâm Việt Bắc với trường Đại học Y dược, Trung tâm Liên khu V (tỉnh Thanh Hóa) với trường Dự bị đại học, lớp toán đại cương và trường Sư phạm cao cấp (về khoa học xã hội) và Trung tâm Khu học xá Trung ương với khoa học cơ bản và trường Sư phạm cao cấp (về khoa học tự nhiên) đặt ở Nam Ninh, Trung Quốc⁽¹⁶⁾.

Những trường nói trên là những trường đại học và cao đẳng đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt, đặt nền móng cho nền đại học dân tộc, tiến bộ và hiện đại.

Tuy giảng dạy trong điều kiện thiếu phòng thí nghiệm, quy mô trường nhỏ, sinh hoạt của phần lớn học sinh, sinh viên rất khó khăn, nhưng các trường đã đào tạo được lớp trí thức đầu tiên cho sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Điềm qua các trung tâm đại học lúc bấy giờ mới thấy hết sự cố gắng của ngành giáo dục và đào tạo trong những bước đi ban đầu. Ba trung tâm này đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ chuyên môn cần thiết cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc sau này. Tính đến năm 1954, tổng số cán bộ kỹ thuật đã tốt nghiệp các trường đại học, trung học là 7.000 người, đang học là 4.247, trong đó riêng đại học là 1.528 người.

Ngoài việc tự đào tạo trong nước, sau thắng lợi của Chiến dịch Biên giới năm 1950, Đảng và Chính phủ ta còn gửi cán bộ và học sinh đi học tại các nước anh em. Mùa hè năm 1951 trong khói lửa của cuộc kháng chiến, Đảng và Nhà nước đã cử nhóm lưu học sinh đầu tiên gồm 21 người sang Liên Xô học tập, mở đầu quan hệ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo cán bộ khoa học-kỹ thuật, quản lý giữa nước ta và các nước anh em.

Cùng với việc đào tạo có trình độ đại học và cao đẳng, Bộ Giáo dục cũng tăng cường đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ trung cấp chuyên nghiệp. Tính đến 1950, cả nước đã có 20 trường trung học chuyên nghiệp, trong đó có 6 trường thuộc sư phạm, 10 trường thuộc canh nông, 4 trường thuộc y tế.

Nói tóm lại, trong những năm kháng chiến kiến quốc, ngành giáo dục không chỉ phát triển không ngừng, mà nó còn đạt được mục tiêu nhằm "đào tạo con người mới, cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc". Chính từ đây, một đội ngũ trí thức mới của ta đã hình thành. Những kỹ sư, bác sĩ, văn nghệ sĩ, nhà báo... tất cả đều sát cánh bên nhau cống hiến cho cuộc kháng chiến. Nhiều sáng kiến, phát minh đã được áp dụng trong sản xuất và chiến đấu, nhất là trong quân giới và y dược.

*

* * *

Nền giáo dục nhân dân - con đẻ của Cách mạng tháng Tám, có nội dung tiến bộ với các tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng luôn gắn bó với xu thế của nền giáo dục tiến bộ thế giới là một trong những thành tựu vĩ đại mà nhân dân ta đạt được trong thế kỷ XX.

Tuy quy mô còn nhỏ bé và chất lượng chưa cao, nhưng đó chính là cái vốn ban đầu rất quý giá mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn để tạo dựng nên. Tình trạng 95% dân số bị mù chữ đã được xóa bỏ, hệ thống giáo dục quốc dân có tính đại chúng đã được hình thành và phát triển với một mạng lưới trường, lớp được xây dựng ở khắp mọi nơi và một đội ngũ giáo viên tận tụy hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp "trồng người" của đất nước.

Những bài học kinh nghiệm quý báu như: dựa vào dân, thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong xây dựng và phát triển giáo dục trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp đổi mới đất nước, xây dựng đất nước ngày nay.

Từ bài học "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong thời kỳ 1945-1954, văn hóa-giáo dục Việt Nam đã tìm được những phương pháp cho nó trong muôn vàn khó khăn của điều kiện chiến tranh. Khi đã có chính sách và quyết tâm của Nhà nước cùng với nhu cầu và quyết tâm của quần chúng nhân dân, thì có vô vàn sáng kiến, vô vàn giải pháp vượt qua mọi khó khăn. Đó là những yếu tố chính quyết định sự phát triển của văn hóa-giáo dục trong 10 năm mở đầu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

CHÚ THÍCH

1. Đỗ Mười, *Chăm đến sự nghiệp giáo dục là chăm lo thiết thực đến sự phát triển của con người, chủ thể của mọi sáng tạo*. Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 50 năm nền giáo dục cách mạng Việt Nam (21-11-1995).
2. Hồ Chí Minh, *Những vấn đề cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Báo cáo của Hồ Chủ tịch tại phiên họp của Hội đồng Chính phủ ngày 3-9-1945.
3. *Việt Nam công báo quốc dân*, số 1 (29-9-1945).
4. Hồ Chí Minh, *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, tập I. Nxb Sự thật, 1958.
5. Vũ Đình Hòe, *Báo cáo về hoạt động của Chính phủ ngày 30-10-1946*. Cục Lưu trữ Trung ương I, Hồ sơ 3, phòng Quốc hội.
6. Báo *Cần quốc* ngày 3-9-1946, số 330.
7. Vũ Đình Hòe, *Hồi ký*, tập I. Nxb Thông tin, 1995.
8. Như trên.
9. Ngô Văn Cát, *Việt Nam chống nạn thất học*. Nxb Giáo dục, 1980.
10. Vũ Thuần Nho, *35 năm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông*. Nxb Giáo dục, 1996.
11. *Báo cáo tình hình giáo dục năm 1953 của Bộ Giáo dục*. Cục Lưu trữ I, hồ sơ 24, tập 2.
12. Vũ Đình Hòe, Sđd.
13. Báo cáo tình hình giáo dục năm 1953 của Bộ Giáo dục, Sđd.
14. *Văn kiện Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951)*. Nxb Sự thật, 1952.
15. Lê Văn Giảng, *Lịch sử nền giáo dục đại học và trung học Việt Nam*. Nxb Đại học và Trung học, 1985.
16. Phạm Tất Dong (chủ biên), *Trí thức Việt Nam - thực tiễn và triển vọng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 79.